

Bản án số: **42/2018/DS-ST**

Ngày: 09 - 5 - 2018

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thái Hùng;

Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST – DS ngày 26 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2018/QĐST – DS ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Loan T**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2018, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 26/3/2018, bản tự khai ngày 09/3/2018, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Bà có tham gia chơi hụi do bà Loan T làm chủ hụi dây hụi như sau:

Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, khởi khai ngày 10/9/2015 (âm lịch). Hụi gồm 27 phần, mỗi tháng khai 01 lần. Bà chơi 02 phần, bà T đóng được đến lần khai thứ 24 nhằm ngày 10/7/2017 (âm lịch) thì hụi bị bể, hụi của bà chơi là hụi còn sống. Và đến ngày 09/8/2017 (âm lịch) thì bà Loan T và bà cùng lập một tờ giấy hụi để xác nhận lại số nợ với nội dung bà Loan T thừa nhận còn nợ bà số tiền nợ hụi là 240.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 5.000.000 đồng vào ngày 20 (âm lịch) hàng tháng cho đến khi nào trả hết, bắt đầu trả từ ngày 20/8/2017 (âm lịch). Sau đó, bà Loan T có trả cho bà được 10.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Vì vậy, nay bà yêu cầu bà Loan T và ông H cùng liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 230.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/7/2017 (ngày bể hụi) đến ngày 08/01/2018 (ngày khởi kiện) theo mức lãi suất 1.5% là 3.450.000 đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 26/3/2018 bà T có đơn xin sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, bà chỉ yêu cầu một mình bà Loan T trả cho bà số tiền nợ hụi là 230.000.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa, bà T tự nguyện khấu trừ lại 5.000.000 đồng tiền hưởng hoa hồng vào số tiền nợ hụi 230.000.000 đồng cho chủ hụi là bà Loan T, nên bà chỉ yêu cầu bà Loan T trả 225.000.000 đồng.

* Đối với bà Nguyễn Thị Loan T là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà đều vắng mặt, nên không thu thập được lời khai của bà.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 09/3/2018, biên bản hòa giải ngày 26/3/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu H trình bày:*

Ông và bà Loan T là vợ chồng đến cuối năm 2017 thì đã ly hôn với nhau, nhưng ông và bà vẫn còn ở chung địa chỉ tại ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre. Nay trong vụ án này ông xác định là ông chỉ biết bà Loan T có nợ tiền hụi của bà T còn cụ thể nợ bao nhiêu ông không rõ vì việc chơi hụi là do bà Loan T tự đứng ra chơi ông không trực tiếp tham gia. Nay bà T khởi kiện chỉ yêu cầu một mình bà Loan T trả nợ thì ông thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

- *Về thủ tục giải quyết vụ án:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục gửi Thông báo thụ lý vụ án: Có vi phạm về thời hạn gửi Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự, không đảm bảo thực hiện đúng theo quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa; riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với vi phạm trên chỉ là vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án; nên chỉ kiến nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Bà T khởi kiện yêu cầu buộc bà Loan T trả 230.000.000 đồng tiền nợ hui và không yêu cầu tính lãi suất. Và yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà Loan T là có cơ sở, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là giấy nợ hui ngày 09/8/2017 (âm lịch) do bà Loan T tự viết và ký, mặc dù bà Loan T vắng mặt không có lời khai nhưng có làm việc được với ông H trước đây là chồng bà Loan T, ông có lời khai xác định ông có biết bà Loan T còn nợ tiền hui bà T. Nên căn cứ lời khai của bà T, ông Hạnh, giấy nợ hui xác định bà Loan T có nợ bà T 240.000.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên, bà T cho rằng bà Loan T đã trả cho bà được 10.000.000 đồng, nên còn nợ lại 230.000.000 đồng đến nay chưa trả; tại phiên Tòa bà T tự nguyện trừ 5.000.000 đồng tiền hoa hồng của 02 phần hui vào số tiền nợ 230.000.000 đồng cho chủ hui là bà Loan T, nên số nợ còn lại là 225.000.000 đồng, xét thấy đây là tình tiết có thật, nay bà Loan T chưa trả là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui.

Ngoài ra, bà T có yêu cầu ông H liên đới với bà Loan T để trả số nợ này cho bà T, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Hữu H, đây là sự tự nguyện của bà T phù hợp với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ yêu cầu này của bà T.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ vào Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biểu, phường.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà Loan T, để buộc bà Loan T trả cho bà T 225.000.000 đồng tiền nợ hui. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu tính lãi suất và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Bị đơn bà Nguyễn Thị Loan T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng bà Loan T và ông H vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Ngày 10/9/2015 (âm lịch) bà T có tham gia chơi hụi do bà Loan T làm chủ hụi và còn nợ lại bà T số tiền nợ hụi 240.000.000 đồng, sau đó trả được 10.000.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Loan T trả số tiền nợ hụi còn lại là 230.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Do Hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà Loan T được xác lập vào ngày 10/9/2015 (âm lịch), nên sẽ áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]. **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Theo Giấy xác nhận đề ngày 07/01/2018 của Công an xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre thì bà Nguyễn Thị Loan T, ông Nguyễn Hữu H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bà T xác định đối với giấy hụi đề ngày 09/8/2017 (âm lịch) chỉ có bà Loan T ký nhận nợ, hơn nữa hiện nay giữa bà Nguyễn Thị Loan T và ông Nguyễn Hữu H đã ly hôn. Vì vậy, nay bà T chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị Loan T có nghĩa vụ trả nợ, nên bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Hữu H. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà T và yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện này của bà T đối với ông H là có cơ sở.

- Về nội dung:

+ Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Loan T trả số tiền nợ hụi là 230.000.000 đồng.

Cơ sở chứng cứ: Giấy hụi đề ngày 09/8/2017 (âm lịch) ;

[6]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo lời khai của bà T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bà đều xác định giữa bà và bà Loan T

không có quan hệ bà con nhưng do bà Loan T là cháu của anh rể bà, kêu bà bằng “Dì 4” vì bà thứ 4, nên bà quen biết và có tham gia chơi 01 dây hụi do bà Nguyễn Thị Loan T làm chủ hụi. Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, khởi khai ngày 10/9/2015 (âm lịch). Hụi gồm 27 phần, mỗi tháng khui 01 lần, bà tham gia chơi 02 phần, đều là hụi còn sống, bà T đóng được đến lần khui thứ 24 nhằm ngày 10/7/2017 (âm lịch) thì hụi bị bể nên bà Loan T ngưng hụi cho đến nay. Và đến ngày 09/8/2017 (âm lịch) thì bà Loan T và bà T có lập một tờ giấy hụi để xác nhận nợ với nội dung bà Loan T còn nợ bà số tiền nợ hụi là 240.000.000 đồng và hứa trả mỗi tháng là 5.000.000 đồng vào ngày 20 (âm lịch) hàng tháng cho đến khi trả xong nợ. Sau đó, bà Loan T có trả cho bà được 10.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Đối với bà Loan T trong quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai, dù bà T xác định sau khi Tòa án thụ lý vụ án và mời đến Tòa án hòa giải, bà T có đến gặp bà Loan T để kêu bà Loan T đến Tòa án thương lượng, nhưng bà Loan T hứa đến mà không đến Tòa án giải quyết, bà Loan T cố tình vắng mặt dù bà vẫn ở nhà tại ấp A, xã T.

[7]. Xét các tài liệu, chứng cứ do bà T giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với 01 giấy hụi đề ngày 09/8/2017 (âm lịch) có thể hiện nội dung đầy đủ là bà Loan T có nợ bà T (Dì 4) 02 phần hụi 5.000.000 đồng, với số tiền tổng cộng là 240.000.000 đồng và bà Loan T có ký nhận nợ đầy đủ, phù hợp với lời khai của bà T. Hơn nữa, theo giấy hụi này bà T đều xác định chữ viết và chữ ký do bà Nguyễn Thị Loan T tự viết và ký, cũng như lời khai của ông H trước đây là chồng của bà Loan T cũng xác định bà Loan T có nợ tiền hụi bà T, nhưng không biết cụ thể bao nhiêu. Nay bà Loan T không có ý kiến gì về các chứng cứ này, cũng như Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà Loan T biết nội dung vụ án, nhưng bà đều vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên xem như mặc nhiên bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền nợ hụi là 240.000.000 đồng.

[8]. Từ những cơ sở nêu trên, xác định được bà T có tham gia chơi hụi do bà Loan T làm chủ hụi. Việc chơi hụi giữa 02 bên được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm giấy tay và phù hợp với quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005. Trong quá trình chơi hụi, bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hụi viên, nhưng khi hụi bị bể thì bà Loan T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cho hụi viên, nhưng thực tế bà Loan T chưa trả lại cho bà T dù 02 bên đã làm giấy xác nhận nợ hụi đề ngày 09/8/2017 (âm lịch), bà Loan T xác nhận số tiền nợ hụi còn thiếu bà T là 240.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 20 âm lịch, bắt đầu trả từ ngày 20/8/2017 (âm lịch), nhưng sau đó bà Loan T cũng chỉ trả được 10.000.000 đồng, vẫn còn nợ 230.000.000 đồng đến nay chưa trả bà T, là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 15, 24, 27, 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà Loan T trả cho bà số tiền nợ hụi còn lại là 230.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Tuy nhiên, tại phiên Tòa bà T xác định hội này là hội hưởng hoa hồng, mỗi lần hót hội thì hội viên sẽ cho lại chủ hội 2.500.000 đồng, nên bà tham gia chơi 02 phần thì số tiền hoa hồng cho chủ hội là 5.000.000 đồng. Do đó, bà tự nguyện khấu trừ 5.000.000 đồng tiền hưởng hoa hồng vào số tiền nợ hội của bà Loan T còn nợ bà là 230.000.000 đồng, nên số tiền bà yêu cầu bà Loan T trả là 225.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10]. Bà T chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

[12]. Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[13]. Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận toàn bộ, nên bà Loan T phải chịu án phí của số tiền 225.000.000 đồng, cụ thể:

225.000.000 đồng x 5% = 11.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 244; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 15, 24, 27, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biểu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với bà Nguyễn Thị Loan T về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Loan T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ hội là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị T cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị Loan T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Nguyễn Hữu H về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu H liên đới cùng bà Nguyễn Thị Loan T trả số tiền nợ hui là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Loan T phải chịu là 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Lê Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.836.000 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006406 ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Thị Loan T, ông Nguyễn Hữu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên